SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ - ĐÀ LẠT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026
(Tháng 6/2026)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Trần Phú – Đà Lạt

2. Địa chỉ: số 10, đường Trần Quang Diệu, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

3. Loại hình: Trường THPT Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

** Sứ mạng:* Xây dựng môi trường học tập nền nếp, kỉ cương, chất lượng giáo dục cao; học sinh được giáo dục toàn diện, có cơ hội, điều kiện phát triển phẩm chất, năng lực và tư duy sáng tạo, tự tin hội nhập.

**Tầm nhìn*: Luôn hướng tới xây dựng trường THPT có chất lượng giáo dục tốt, uy tín của thành phố và của tỉnh nhà; là nơi mà học sinh luôn mong ước, lựa chọn để học tập và rèn luyện; là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên và được phát huy năng lực bản thân vì danh dự và truyền thống nhà trường, thích ứng với sự vận động phát triển không ngừng của đất nước và hội nhập quốc tế. Với phương châm hành động "*Chất lượng giáo dục là danh dự, uy tín và là thương hiệu của Nhà trường*".

**Mục tiêu:*

- Xây dựng môi trường làm việc, học tập chất lượng, dân chủ và thân thiện.

- Giáo dục học sinh có được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông. Biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học. Có ý thức tự giác, trung thực, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ. Được rèn luyện các kỹ năng sống, xây dựng phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng, nâng dần về chất lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình GDPT 2018 ở khối lớp 10, 11 và 12.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của trường THPT Trần Phú – Đà Lạt

Trường THPT Trần Phú được thành lập vào tháng 8/2001, địa chỉ cũ tại số 20, đường Hùng Vương, phường 10, thành phố Đà Lạt. Ban đầu trường gồm hai cấp học II và III, đến tháng 7/2005, khối cấp II được tách ra, Trường THPT Trần Phú ở lại tại địa chỉ cũ. Năm 2010, trường THPT Trần Phú được khởi công xây dựng trụ

sở mới tại số 10, đường Trần Quang Diệu, phường 10, thành phố Đà Lạt với diện tích 10.949m^2, khối phòng học được xây dựng khang trang, các phòng chức năng, hệ thống thiết bị trường học khá đầy đủ phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Tháng 01/2022, trường THPT Trần Phú được UBND Tỉnh Lâm Đồng công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

Tháng 7/2025, sau sáp nhập địa giới hành chính, trường được đổi tên thành Trường THPT Trần Phú – Đà Lạt (theo Quyết định số 323-/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Trường THPT Trần Phú - Đà Lạt là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được qui định tại Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành *Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*.

Trong năm học 2025-2026, nhà trường có 1578 HS được phân thành 40 lớp, trong đó khối 10 có 13 lớp (419 HS), khối 11 có 14 lớp (590 HS), khối 12 có 13 lớp (569 HS). Tổng số CB, GV, NV toàn trường có 94 người, bao gồm 03 CBQL, 83 GV và 08 nhân viên, được biên chế thành 09 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

Đảng bộ Trường THPT Trần Phú được thành lập theo Quyết định số 632-QĐ/Th.U ngày 19/5/2014 của Ban thường vụ Thành ủy Đà Lạt, gồm 04 Chi bộ trực thuộc; sau sáp nhập chính quyền địa phương hai cấp; Đảng ủy phường Xuân Hương ra Quyết định số 93-QĐ/ĐU ngày 08/07/2025 về việc tiếp nhận Đảng bộ cơ sở trường THPT Trần Phú (gồm 59 đảng viên).

Tháng 11/2025, Đảng bộ phường Xuân Hương – Đà lạt ban hành Quyết định đổi tên Đảng bộ cơ sở Trường THPT Trần Phú thành Đảng bộ cơ sở Trường THPT Trần Phú – Đà Lạt (theo Quyết định số 71-QĐ/Đ.U ngày 28/11/2025 của Ban thường vụ Đảng ủy phường Xuân Hương - Đà Lạt).

Tính đến tháng 6/2026, Đảng bộ gồm 61 đảng viên (67.03%).

Năm 2022, Trường THPT Trần Phú đã được Sở GDĐT công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ III (theo Quyết định số 60/QĐ-SGDĐT ngày 24/1/2022 của Sở GDĐT Lâm Đồng), đồng thời Trường THPT Trần Phú được UBND Tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 (tại Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 27/1/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Cơ sở vật chất của nhà trường được trang bị khá đầy đủ và khang trang, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của thầy và trò. Với diện tích 10.949m^2, quy mô trường đến nay có 42 phòng học, 03 phòng thí nghiệm (Vật lý, Hóa học, Sinh học), 03 phòng thực hành Tin học, 01 phòng thư viện, 01 sân bóng đá mini và khu hiệu bộ có đủ các phòng làm việc cho các bộ phận.

Trải qua 25 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đạt được những thành tích đáng kể góp phần vào sự phát triển của ngành GDĐT Lâm Đồng. Đội ngũ giáo viên đa số có tay nghề vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm cao với công việc. Chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì ổn định, hiệu quả đào tạo được nâng lên và đảm bảo thực chất, được thể hiện qua tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt 100%; tỷ lệ học sinh khá giỏi hằng năm đạt trên 80%; chất lượng học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học tốp đầu tăng đều qua các năm. Nhà trường rất vinh dự được đón nhận Bằng khen Thủ tướng Chính phủ (năm học 2023-2024); hai lần vinh dự được nhận Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm học 2020-2021, năm học 2022-2023), nhiều lần được tặng Bằng khen của UBND Tỉnh, Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT và nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật của trường THPT Trần Phú:

- Họ và tên: Vũ Thị Quế
- Chức vụ: Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Phú – Đà Lạt số 10, đường Trần Quang Diệu, phường Xuân Hương – Đà Lạt, Lâm Đồng.
- Số điện thoại: 02633.830.825
- Địa chỉ thư điện tử: c3tranphu.lamdong@moet.edu.vn
  c3tranphu.sgd@lamdong.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường THPT Trần Phú số 56/2001/QĐ-UB ngày 04/07/2001 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v thành lập Trường THPT Trần Phú.

b) Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 9/7/2025 Về việc phê duyệt cơ cấu tổ chức Sở Giáo dục & Đào tạo Lâm Đồng. (Trường THPT Trần Phú đổi tên thành trường THPT Trần Phú – Đà Lạt)

c) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng:

- Quyết định số 491/QĐ-SGDĐT ngày 09/08/2025 của Sở GDĐT Lâm Đồng V/v bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng cho bà Vũ Thị Quế.
- Quyết định số 3435/QĐ-SGDĐT ngày 27/7/2026 của Sở GDĐT Lâm Đồng V/v bổ nhiệm lại viên chức quản lý cho bà Huỳnh Thị Minh Chi, giữ quyết định Phó Hiệu trưởng 5 năm kể từ ngày 01/8/2026.
- Quyết định số 211/QĐ-SGDĐT ngày 29/07/2025 của Sở Giáo dục & Đào tạo Lâm Đồng V/v bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng cho bà Trương Thị Ánh Hồng.

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng cán bộ quản lý: 03
- Số lượng giáo viên: 83 người

Trong đó: Toán: 12 GV (trong đó có 01 giáo viên thỉnh giảng); Tin: 06 GV; Vật lý: 11 GV (trong đó có 01 giáo viên xin nghỉ không hưởng lương từ ngày 1/9/2026 đến ngày 31/05/2027; Hóa: 08 GV; Sinh học: 05 GV; Ngữ Văn: 11 GV

(trong đó có 01 giáo viên Hợp đồng 111); Lịch sử: 04 GV; Địa lý: 04 GV; GDCD: 02 GV; môn Tiếng Anh: 10GV; Giáo dục thể chất: 05 GV; GDQP&AN: 03GV.

- Số lượng nhân viên văn phòng: 08 (04 nhân viên và 04 hợp đồng công việc): Trong đó: Văn thư kiêm thủ quỹ: 01; Thư viện: 01; Kế toán: 01; Y tế: 01; Nhân viên phục vụ: 02; bảo vệ: 02.

- Tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100%

- Tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100%

III. Thông tin về cơ sở vật chất:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	42	
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	42	1,4m^2/học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	00	00
3	Phòng học tạm	00	00
4	Phòng học nhờ	00	00
5	Số phòng học bộ môn	06	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	00	00
7	Bình quân lớp/phòng học	01	01 phòng/lớp
8	Bình quân học sinh/lớp	1685	41,1 học sinh/lớp
III	**Số điểm trường**	00	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	10.949	6,49m^2/học sinh
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	5000	2,97m^2/học sinh
VI	**Tổng diện tích các phòng**	2.352	
1	Diện tích phòng học (m^2)	56	1,27m^2/học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	84	1,1m^2/học sinh
3	Diện tích thư viện (m^2)	100	0,057m^2/học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	00	00
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	24	0,014m^2/ học sinh
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	03	
1.1	Khối lớp 10	01	0,066 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11	01	0,083 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12	01	0,071 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	00	00
2.1	Khối lớp...	00	00
2.2	Khối lớp...	00	00
2.3	Khối lớp...	00	00
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	00	00
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập**	140	12,03 HS/bộ

	(Đơn vị tính: bộ)		
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	41	1 thiết bị/lớp
2	**Cát - xét**	05	
3	**Laptop**	06	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	04	
5	**Máy Photo**	01	
6	**Loa di động**	01	
7	**Màn hình Led hội trường**	01	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	00
XI	**Nhà ăn**	00

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	00	00	00
XIII	**Khu nội trú**	00	00	00

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,14m^2/HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	**Có**	**Không**
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây kiên cố	X	

IV. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Năm 2022, Trường THPT Trần Phú đã được Sở GDĐT công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ III (theo Quyết định số 60/QĐ-SGDĐT ngày 24/1/2022 của Sở GDĐT Lâm Đồng), đồng thời Trường THPT Trần Phú được UBND Tỉnh công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 (tại Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 27/1/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng). Đính kèm báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục năm 2025-2026

V. Kết quả hoạt động giáo dục năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	...
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	1578	419	590	569	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1537 (97.40%)	402 (95.44%)	572 (96.95%)	563 (98.95%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 2.41%)	17 (4.06%)	17 (2.88%)	4 (0.70%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0.13%)	0	0	2 (0.35%)	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.06%)	0	1 (0.17%)	0	
II	**Số học sinh chia theo học lực**	1578	419	590	569	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	948 (60.08%)	221 (52.74%)	392 (66.44%)	335 (58.88%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	581 (36.82%)	173 (41.29%)	183 (31.02%)	225 (39.54%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	49 (3.11%)	25 (5.97%)	15 (2.54%)	9 (1.58%)	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1578 (100%)	419 (100%)	590 (100%)	569 (100%)	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1537 (97.40%)	402 (95.44%)	572 (96.95%)	563 (98.95%)	
b	Học sinh khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 2.41%)	17 (4.06%)	17 (2.88%)	4 (0.70%)	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
STT	**Nội dung**	**Tổng số**	**Chia ra theo khối lớp**			
			Khối 10	**Khối 11**	**Khối 12**	
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	35 2.21%)	11 (2.62%)	19 (3.22%)	5 (0.87%)	
	Chuyển đi (tỷ lệ so với tổng số)	25 (1.58%)	5 (1.19%)	10 (1.69%)	8 (1.4%)	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
IV 1	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi** Cấp tỉnh	99	0	31	68	
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**				569	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**				569	
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	638/940	173/246	260/330	205/364	
IX	**Số học sinh dân tộc**	34	8	9	17	

VI. Kết quả tài chính:

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Hoạt động sản xuất kinh doanh**	**1.922.000.000**
1	Số thu	
1.1	Thu học phí-NS cấp bù học phí	1.440.000.000
1.2	Thu khác	482.000.000
	Thu tiền kinh doanh gởi xe	150.000.000
	Thu tiền cho thuê căn tin	332.000.000
2	**Chi từ nguồn thu**	**1.590.000.000**
2.1	Chi từ nguồn thu phí được để lại học phí	1.440.000.000
2.2	Chi từ cho thuê căn tin	332.000.000
2.3	Chi từ kinh doanh gởi xe	150.000.000
II	**Ngân sách nhà nước**	**22.380.871.656**
1	Số thu:	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Bao gồm cấp bù học phí)	22.014.747.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	366.124.656
III	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**22.380.871.656**
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	22.014.747.000
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	366.124.656

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**Hoạt động SXKD**				
1	**Số thu**	**1.922.000.000**	**1.733.285.000**		
1.1	Thu học phí (NSNN cấp bù)	1.440.000.000	1.440.000.000	100%	205%
1.2	Thu khác	482.000.000	293.285.000		
-	Thu tiền kinh doanh gởi xe	150.000.000	85.785.000	58%	99%
-	Thu tiền cho thuê căn tin	332.000.000	207.500.000	63%	140%
2	**Chi từ nguồn thu**	**1.922.000.000**	**305.368.280**		
2.1	Chi từ nguồn thu học phí	1.440.000.000	251.013.280	18%	24%
2.2	Chi từ cho thuê căn tin	332.000.000	2.075.000	1%	0%
2.3	Chi từ kinh doanh gởi xe	150.000.000	52.280.000	35%	35%
II	**Ngân sách cấp**				
1	**Số thu**	**22.380.871.656**	**22.380.871.656**		

1.1	Kinh phí tự chủ	22.014.747.000	22.014.747.000		
1.2	Kinh phí không tự chủ	366.124.656	366.124.656	100%	56%
2	**Dự toán chi**	**22.380.871.656**	**11.450.199.810**		
2.1	Kinh phí tự chủ	22.014.747.000	11.261.286.876	52%	100%
2.2	Kinh phí không tự chủ	366.124.656	188.912.934	52%	8%

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó			Khác
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ	
I	**Quyết toán thu**						
1	**Thu HĐ SXKD**	**1.733.285.000**					
1.1	Tiền gởi xe	85.785.000					
1.2	Tiền học phí	1.440.000.000					
1.3	Tiền căn tin	207.500.000					
2	**Ngân sách nhà nước**	**22.380.871.656**					
2.1	Kinh phí tự chủ	22.014.747.000					
2.2	Kinh phí không tự chủ	366.124.656					
II	**Tổng Chi**						
1	**Hoạt động SXKD**	**302.228.280**		**60.569.600**	**64.301.340**	**0**	**180.497.340**
1.1	Tiền gởi xe	49.140.000		38.500.000	8.200.000	0	2.440.000
1.2	Tiền học phí	251.013.280		28.027.600	74.580.000		148.405.680
1.3	Tiền căn tin	2.075.000					2.075.000
2	**Ngân sách nhà nước**	**11.450.199.810**		**9.700.509.417**	**93.313.006**		**1.656.377.387**
2.1	Kinh phí tự chủ	11.261.286.876		9.512.346.483	93.313.006		1.655.627.387
2.2	Kinh phí không tự chủ	188.912.934		188.162.934			750.000

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025-2026:

1. Khái quát tình hình chung và công tác chỉ đạo điều hành triển khai nhiệm vụ năm học của đơn vị

a. Khái quát tình hình chung

- *Về quy mô trường, lớp:* Số lớp toàn trường: 40 lớp

+ Tổng số học sinh toàn trường tính đến cuối năm học 2025-2026 là 1.578 học sinh. Trong đó, khối 10 có 419HS/13 lớp; khối 11 có 590HS/14 lớp; khối 12 có 569 HS/13 lớp. So với năm học 2024-2025, sĩ số giảm 222 học sinh do công tác tuyển sinh đầu vào lớp 10 chưa đạt chỉ tiêu được giao

+ Tỉ lệ duy trì sĩ số: 100% (Tăng 10 em so với đầu năm học do số chuyển đi ít hơn số chuyển đến 10 học sinh),

- *Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên*

+ Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 91 người; Nữ: 72 người. Trong đó, CBQL có 3 người; GV có 80 người; NV có 8 người. Có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

+ Trình độ chuyên môn: 100% cán bộ, giáo viên có trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn có 22 người (đạt tỷ lệ 24.17%; trong số đó 01 GV có trình độ Tiến sỹ).

+ Tổng số Đảng viên: 61/91 đạt tỉ lệ 67.03%

2. Công tác rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

- Hoàn thành tốt các thủ tục pháp lý, ổn định bộ máy tổ chức và tâm lý cán bộ, giáo viên, học sinh sau khi đổi tên thành Trường THPT Trần Phú – Đà Lạt theo Quyết định số 323/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng.

- Rà soát thực trạng quy mô 40 lớp/1.578 học sinh, đảm bảo định mức học sinh/lớp (trung bình 41,1 học sinh/lớp) phù hợp với cơ sở vật chất và không gian học tập hiện có.

- Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng hệ thống 42 phòng học kiên cố, các phòng thí nghiệm, thư viện và khu vực thể thao (>5.000m² sân bãi) nhằm nâng cao tiêu chuẩn Trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 và Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ III.

- Rà soát nhu cầu học tập của học sinh THCS trên địa bàn phường Xuân Hương và các khu vực lân cận để xây dựng kế hoạch tuyển sinh lớp 10 sát với thực tế nguồn tuyển.

3. Triển khai thực hiện và hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên

- Nhà trường đã triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 áp dụng đồng bộ ở cả 3 khối lớp (10, 11 và 12). Đơn vị tổ chức xây dựng và vận hành linh hoạt các tổ hợp môn học lựa chọn cùng hệ thống chuyên đề học tập, bảo đảm đáp ứng tối đa nguyện vọng, sở trường và định hướng nghề nghiệp tương lai của học sinh.

- Tập trung chuyển đổi mạnh mẽ phương pháp dạy học theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học; tăng cường các hoạt động gắn liền lý thuyết với thực tiễn, đẩy mạnh giáo dục trải nghiệm và hướng nghiệp thực tế.

- Triển khai đa dạng các hình thức đánh giá (bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và dự án nghiên cứu) bám sát các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác và phản ánh đúng năng lực thực chất của học sinh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và năng lực mũi nhọn. Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng dạy học đại trà với tỷ lệ học sinh đạt học lực Khá, Giỏi duy trì ở mức cao (đạt trên 96,9%); tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt chuẩn tuyệt đối (100%).

- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được tổ chức bài bản, hiệu quả công tác phát hiện và bồi dưỡng các đội tuyển học sinh giỏi. Kết quả đạt được nhiều thành tích xuất sắc với 99 giải Học sinh giỏi cấp tỉnh trong năm học.

- Nhà trường đặc biệt chú trọng công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách sống, văn hóa ứng xử và kỹ năng sống cho học sinh. Tích cực lồng ghép các nội dung phòng, chống bạo lực học đường thông qua các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các buổi sinh hoạt dưới cờ chuyên đề và hoạt động phong trào do Đoàn Thanh niên khởi xướng và tổ chức.

4. Bố trí, phân bổ ngân sách nhà nước và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

- Thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác thu - chi ngân sách Nhà nước giao (dự toán năm 2026 là hơn 22,38 tỷ đồng); đảm bảo ưu tiên chi trả tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và các hoạt động chuyên môn.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí giao tự chủ và không tự chủ theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

- Khai thác và quản lý các nguồn thu hợp pháp khác:

- Quản lý công khai, đúng mục đích các nguồn thu dịch vụ (cho thuê căn-tin, dịch vụ gửi xe) để tái đầu tư bổ sung CSVC, phục vụ trực tiếp cho hoạt động của học sinh và nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm và tài sản công.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong giáo dục và đào tạo

- Nhà trường đã thực hiện xử lý 100% văn bản đi và đến trên hệ thống quản lý văn bản điện tử kết hợp ứng dụng chữ ký số chuyên dùng. Đồng thời, đơn vị tập trung tinh gọn quy trình làm việc, chuyển đổi toàn bộ hệ thống hồ sơ, sổ sách sang dạng điện tử (bao gồm học bạ điện tử và sổ điểm điện tử), bảo đảm tính chuẩn xác và tra cứu thuận tiện.

- Thực hiện công khai, minh bạch thông tin: Công tác công khai thông tin nhà trường được đẩy mạnh trên Website chính thức và các kênh thông tin điện tử, tuân thủ nghiêm túc các quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nâng cao trách nhiệm giải trình đối với xã hội và người học.

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin: Nhà trường duy trì và hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT đồng bộ, bao gồm: 140 máy tính cấu hình cao phục vụ học tập, 41 ti vi trang bị tại 100% các phòng học, màn hình LED hiện đại tại hội trường và hệ thống Internet phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường.

- Đổi mới phương pháp dạy và học: Đẩy mạnh khai thác các hệ thống quản lý học tập (LMS), kho học liệu số và bài giảng điện tử; khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên tích cực ứng dụng các thiết bị và công nghệ tiên tiến trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Nhà trường đã triển khai thực hiện 100% việc thu học phí và các khoản thu khác qua hệ thống ngân hàng cũng như các phương thức thanh toán điện tử hợp pháp. Giải pháp này giúp tối ưu hóa sự thuận tiện cho phụ huynh học sinh, đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch và an toàn trong quản lý tài chính nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN PHÚ - ĐÀ LẠT
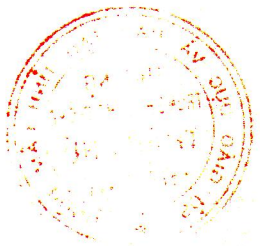
Vũ Thị Quế